

**Kỷ niệm ngày lật đổ Ngô triều tại Nam Việt nam, 1 tháng 11, 1963,
Trang Sách Hiếm xin đăng lại bài:**

“KHÔNG PHẢI LÀ CÁCH TỰ TỬ ĐƯỢC CHỌN”

[Not the Preferred Way to Commit Suicide in "Overthrow"]

by Stephen Kinzer

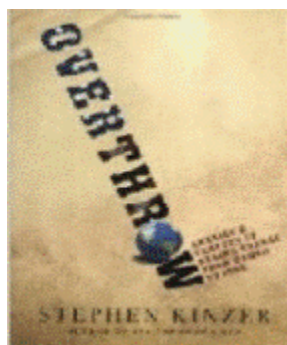
Người Dịch: Trần Thanh Lưu

<http://sachhiem.net/SACHNGOAI/snT/TTL2.php>



11 tháng 11, 2009

Stephen Kinzer là một nhà văn và cũng là nhà báo Mỹ. Ông là một cộng tác viên kỳ cựu của báo *New York Times*, từng tác nghiệp trong hơn 50 nước trên 5 châu lục. Trong thập niên 1980s, ông đã từng làm phóng sự về các cuộc cách mạng và biến động tại Trung Mỹ. Vào năm 1990, ông được thăng chức Trưởng Nhiệm sở tại Berlin và viết về sự biến dạng của các nước Đông Âu sau cuộc cách mạng nhưng. Ông cũng đã là Văn phòng trưởng của *New York Times* tại Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) từ 1996 đến 2000.



Hiện nay, ông dạy về Báo chí và Chính sách Ngoại giao Mỹ tại đại học Northwestern University, bang Illinois. các tác phẩm đã xuất bản của ông là [*Bitter Fruit: The Story of the American Coup in Guatemala*](#), với Stephen Schlesinger; (Doubleday, 1982); *Crescent and Star: Turkey Between Two Worlds*, (Farrar, Strauss and Giroux, 2001); [*All the Shah's Men: An American Coup and the Roots of Middle East Terror*](#), (John Wiley & Sons, 2003); [*Overthrow: America's Century of Regime Change from Hawaii to Iraq*](#), (Times Books, 2006); [*Blood of Brothers: Life and War in Nicaragua*](#), with a new afterword, (Harvard University Press, 2007); *A Thousand Hills: Rwanda's Rebirth and the Man Who Dreamed It*, (John Wiley & Sons, 2008) - [Theo Wikipedia]

Trích từ Chương 7 của Cuốn “Lật Đổ” (*Overthrow*, Times Book, New York City, 2006) đề cập đến vai trò của Mỹ, nhất là thái độ không quyết đoán của Tổng thống Kennedy vì lập trường thiếu thống nhất của các phụ tá, trong cuộc lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm của quân dân miền Nam..

Các cơ quan thông tấn chẳng bao giờ ngủ nên không lạ gì khi Malcolm Browne phóng viên của Associated Press ở Sài Gòn, vẫn còn làm việc khi điện thoại văn phòng của mình reo lên vào tối ngày 10 Tháng 6 năm 1963. Người gọi là (Thượng tọa) Thích Đức Nghiệp, một nhà sư Phật giáo mà Browne đã quen biết trong khi tác nghiệp về các cuộc xung đột leo thang giữa Phật giáo đồ và chính quyền do Ca-tô giáo thống trị ở miền Nam Việt Nam. Ông nói với Browne rằng bất cứ ai xuất hiện tại chùa Xá Lợi sáng hôm sau sẽ chứng kiến “*một sự kiện quan trọng*”.

Tối hôm ấy, nhà sư đã gọi vài phóng viên nước ngoài khác với cùng một thông điệp. Chỉ có Browne coi đó là nghiêm túc. Ông đã viết nhiều về cuộc nổi dậy của Phật giáo lan rộng và cảm nhận rằng nó sẽ có thể định hướng tương lai của Việt Nam. Trước bình minh sáng hôm sau, ông và trợ lý

người Việt khởi hành đến chùa. Họ thấy chùa đông nghẹt các nhà sư trong tăng bào màu vàng nghệ và ni chúng với áo màu lam. Không khí bên trong đã nóng, ngọt, và ngào ngạt mùi hương. Khói cuộn cuộn bay lên từ hàng trăm lò hương. Chư tăng ni lắng mình trong tiếng niệm kinh.

Browne chọn một chỗ ngồi. Một trong những ni cô đến gần ông, và trong khi bà rót trà, ông có thể nhìn thấy dòng nước mắt chảy xuống trên mặt bà. Một vài phút sau đó, Thượng tọa Thích Đức Nghiệp trông thấy ông và đến gần. Ông có một đề nghị đơn giản: đừng vội rời "*cho đến khi sự kiện kết thúc.*"

Browne ngồi giữa cảnh này khoảng nửa giờ. Đột nhiên, theo một hiệu lệnh, các tăng ni ngừng tụng kinh, đứng dậy, và nghiêm trang theo nhau ra khỏi chùa và kết thành một hàng bên ngoài. Họ tập hợp phía sau một chiếc ô-tô Austin cũ chở năm nhà sư và họ đi theo chiếc ô-tô qua các đường phố. Đoàn người dừng ở nơi giao lộ của hai đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, một trong những con đường lớn của thành phố. Những người biểu tình làm thành một vòng tròn để chặn tất cả các lối vào.

Ba nhà sư bước ra khỏi chiếc xe, một vị cao niên được nâng đỡ bởi những vị khác. Những vị sư trẻ đặt một đệm vuông trên mặt đường tại trung tâm giao lộ và giúp vị sư già yên vị theo kiểu ngồi kiết già tòa sen. Trong khi ngài lần hạt và lâm râm niệm danh hiệu thiêng liêng A Di Đà Phật, "Vãng Sanh Cực Lạc," họ lấy một thùng xăng từ xe và tưới một hỗn hợp xăng màu hồng-và-diesel lên ngài. Sau khi họ bước xa ra, ngài cầm một hộp diêm, quẹt lên rồi thả xuống đùi mình. Ngay lập tức, lửa ôm trọn ngài.



Khi gió thổi ngọn lửa khỏi mặt ông ta, tôi có thể thấy rằng mặc dù đôi mắt nhắm kín, nét mặt của ông bị méo mó bởi nỗi đau đớn cùng cực. Nhưng trong suốt cuộc thử thách của mình, ông không bao giờ thốt lên một tiếng hoặc thay đổi vị trí của mình, ngay cả khi mùi thịt cháy lan đầy không khí. Một tiếng kêu van kinh hoàng từ đám đông, và tiếng tụng kinh rời rạc từ vài nhà sư vì bị gián đoạn bởi tiếng la khóc của nỗi đau đớn. Hai nhà sư trưng ra một biểu ngữ lớn bằng vải (viết tiếng Anh), "Một Nhà Sư Tự Thiêu cho Các Đòi Hỏi của Phật giáo,"

Choáng váng bởi những gì ông đã nhìn thấy, như một phản xạ Browne bấm máy ảnh liên tục. Sau một vài phút, một xe chữa lửa và nhiều xe cảnh sát với còi hú xuất hiện, nhưng những người biểu tình nằm ngay ở phía trước các xe này và bám vào bánh xe nên xe không thể tiếp cận được với giàn thiêu. Nhanh chóng ngọn lửa bắt đầu dịu dần. Khi lửa tàn, vài nhà sư đã xuất hiện với một

quan tài bằng gỗ và cố gắng nâng xác chết của người đàn ông đặt vào đó. Tay chân của ông đã trở nên cứng ngắt. Chiếc quan tài đã được mang về chùa Xá Lợi, cả hai cánh tay lộ ra ngoài. Một cánh còn bốc khói.

Những tấm ảnh của Browne về nhà sư tự thiêu đã làm choáng váng mọi người trên thế giới. Ngày hôm sau, một vị khách thăm Phòng Bầu Dục nhận thấy rằng Tổng thống John F. Kennedy đã có một xấp ảnh nằm trên bàn làm việc của ông. Hình như chúng tượng trưng cho sự tan rã của miền Nam Việt Nam và sự bất lực của tổng thống Ngô Đình Diệm. Trong vài tháng kế tiếp, những hình ảnh này đã giúp thúc đẩy chính quyền Kennedy hướng về một quyết định trọng đại. Diệm đã mất sự tin tưởng của cả chính quyền (Mỹ) và sẽ bị lật đổ.



Đất nước Việt Nam xanh tươi, uốn lượn như đuôi rồng dọc theo bờ biển ngoằn ngoèo của Đông Dương, đã trở thành một thuộc địa của Pháp vào thế kỷ XIX. Nhiều thế hệ của các gia đình người Pháp đã xây dựng cuộc sống ở đây, khai khẩn rừng thành những đồn điền cao su và biển Sài Gòn, thủ đô, thành một tiền đồn thuộc địa lạ kỳ. Trong những năm hỗn loạn sau khi Thế Chiến II, tinh thần dân tộc và chống thực dân bùng lên ở Việt Nam cũng như nó đã nổ ra tại những vùng đất xa xôi như Iran và Guatemala. Nhiều nhà lãnh đạo nước ngoài đã không nhận ra sức mạnh của tinh thần đó. Kẻ đại cận thị lại là người Mỹ. Sự mù lòa của họ sẽ dẫn Hoa Kỳ đến sự thất bại quân sự lớn nhất trong lịch sử của nó



Nhật Bản đã chiếm đóng và kiểm soát Việt Nam trong chiến tranh thế giới. Một đoàn quân du kích Việt Minh, đã tiến hành chiến tranh du kích chống lại kẻ chiếm đóng, sử dụng vũ khí (và thuốc lá) do Mỹ thả xuống. Sau khi Nhật đầu hàng, nhà lãnh đạo đảng, ông Hồ Chí Minh, một người trông có vẻ yếu đuối khoảng 50 tuổi với một bộ râu mỏng, quyết định rằng đã đến lúc phải tuyên bố nền độc lập của nước ông. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước một đám đông lớn tại phía bắc thành phố Hà Nội, ông đã đọc một bài tuyên ngôn mà bất kỳ người Mỹ nào cũng cảm thấy quen thuộc.

Ông tuyên bố "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc."

Theo bản năng, ông Hồ nhắm đến Hoa Kỳ, một phần vì ông có điều mà theo một nhà sử học gọi là "*cả đời ngưỡng mộ người Mỹ*" và một phần vì ông có ít đồng minh khác. Nước Pháp, quyết định tái lập quyền thống trị cũ của họ tại Việt Nam, từ chối công nhận chính phủ mới của ông. Nước Anh, vốn sợ tấm gương của Việt Minh sẽ có ảnh hưởng đến các thuộc địa riêng của mình, cũng phản đối ông. Lãnh đạo cộng sản tại Trung Quốc và Liên Xô lo sợ chủ nghĩa dân tộc của ông. Thật là hợp lý khi ông hướng về Washington để mong được giúp đỡ.

Tất cả nỗ lực của ông Hồ để thu hút sự hỗ trợ của Mỹ, trong đó bao gồm việc gửi thư đến tổng thống Harry Truman và Tướng George Marshall, tỏ ra vô hiệu quả. Người Pháp đã tái lập vai trò cũ của mình tại Việt Nam. Dần dần ông Hồ nhận ra rằng nếu ông muốn làm cho đất nước của mình thực sự độc lập, Việt Minh đành sẽ phải tham gia cuộc chiến tranh khác, lúc này chống lại thực dân Pháp. Cuộc chiến đạt đến đỉnh điểm khi Dwight Eisenhower đảm nhận chức tổng thống năm 1953.

Lúc bấy giờ, người Pháp đã bị tụt lùi sau bao năm chiến đấu chống du kích Việt Nam. Họ kết luận, với nỗi đau lớn, là họ phải từ bỏ thuộc địa lộn lầy của họ và mong cầu hòa bình. Đầu năm 1954, các nhà đàm phán của Pháp và Việt Minh đã gặp gỡ tại Geneva. Các nhà đàm phán từ Trung Quốc, Liên Xô, Anh, và Hoa Kỳ cũng có mặt tại đây. Bộ trưởng Ngoại giao Dulles cầm đầu đoàn đại biểu Mỹ. Một nhân vật có tầm vóc ít nhất cũng ngang bằng, ông Chu Ân Lai, đại diện Cộng sản Trung Quốc. Dulles vốn coi chế độ Trung Quốc chẳng khác gì ác quỷ, và khi một phóng viên hỏi liệu ông sẽ gặp ông Chu, ông Dulles trả lời lãnh đạm: "Không, trừ khi xe ô tô của chúng tôi đụng nhau"

Dulles đến Geneva hy vọng ngăn chặn một thỏa thuận. Ông đã thành công rất ít trong việc này, và rời khỏi nơi ấy sau một tuần. Không lâu sau đó, các nhà đàm phán còn lại đồng ý một sự phân vùng tạm thời của Việt Nam dọc theo vĩ tuyến 17. Cộng sản sẽ kiểm soát ở phía bắc và có thủ đô tại Hà Nội. Cựu đồng minh của Pháp sẽ thành lập một chính phủ riêng ở phía nam, với thủ đô tại Sài Gòn. Sẽ có các cuộc bầu cử toàn quốc trong hai năm, sau đó miền Bắc và miền Nam sẽ được tái hợp. Trong khi chờ đợi, ngoại quốc không được gửi vũ khí hoặc quân đội vào bất cứ bên nào của Việt Nam

Pháp chấm dứt nền cai trị của mình ở Việt Nam với một buổi lễ thích nghi lặng lẽ. Vào ngày 9 tháng mười 1954, dưới một bầu trời mưa, một nhóm nhỏ các binh sĩ tập hợp quanh một cột cờ tại Sân vận động Hà Nội và hạ lá cờ tam tài xuống. Một lính kèn thổi vài điệu sầu thảm. Không có bài hát hoặc bài phát biểu. Trong vòng tám năm chiến tranh không chính đáng, Pháp bị tổn thất thảm hại với 44.967 người chết và 79.560 người khác bị thương.

Rất ít người ở Hà Nội biết đến buổi lễ. Họ đã quá bận rộn chuẩn bị đón đoàn quân Việt Minh chiến thắng của họ. Những ngày sau khi Pháp rút lui; 30.000 quân du kích diễu hành vào thành phố. Chiến thắng của họ chưa hoàn thành, bởi vì Việt Nam đã bị chia đôi, nhưng sự phân chia chỉ có hai năm thôi. Ông Hồ Chí Minh đã gây ra một cuộc bại trận kinh hoàng cho kẻ thù giàu mạnh hơn nhiều. Ông là người nổi tiếng nhất của đất nước. Nhiều người Việt cho rằng qua cuộc bầu cử năm 1956, ông sẽ được chọn để lãnh đạo đất nước của họ.

Ngoại trưởng Dulles đã làm mọi cách mà ông có thể làm để giữ cho Pháp lưu lại tại Việt Nam, nhưng họ vẫn quyết định ra đi. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là ông ta chịu ngồi yên khi các cử tri Việt bầu một người Cộng sản để lãnh đạo đất nước thống nhất của họ. Ông không bao giờ xét tới khả năng tìm kiếm một cuộc hòa giải với ông Hồ. Thay vào đó, ông ta đã ra tay phá bình hiệp định Geneva bằng cách làm cho sự chia cắt đất nước trở thành vĩnh viễn.

Chỉ đạo dự án này đầy tham vọng này, Dulles đã chọn Đại tá Edward Lansdale, chuyên gia chống phản loạn thành đạt nhất của Mỹ vào thời đó. Lansdale đã giành một chiến thắng lớn trong việc dẹp tan quân du kích ở Philippines, hợp tác với một nhà lãnh đạo người Phi nói được tiếng Anh, Ramon Magsaysay mà ông đã lôi ra từ chỗ vô danh, tài trợ rộng rãi, điều động leo qua các cấp chính trị, và cuối cùng đặt vào ghế tổng thống. Ông cần cùng loại đối tác cho dự án Việt Nam của ông. Có một kẻ đang chờ đợi.



Ngô Đình Diệm là một người sùng đạo Ca-tô, xuất thân theo một con đường quan lại Việt Nam khá dài. Ông đã học về hành chính công cộng [Ghi chú của người dịch: từ trường Hậu Bồi], ở tuổi 30, đã làm Thượng thư Bộ Lại trong nội các thân Tây của Hoàng đế Bảo Đại. Về sau ông nghiêng về nền độc lập nhưng vì do việc chống Chủ nghĩa Cộng sản mạnh mẽ của mình mà ông đã từ chối tham gia Việt Minh. Năm 1950, ông du hành tới Mỹ, nơi ông đã dành hai năm sống một cuộc sống tu sĩ ẩn dật tại chủng viện Maryknoll tại Lakewood, New Jersey, và Ossining, New York. Ông cũng đã có nhiều cuộc tiếp xúc chính trị quý giá. Thông qua sự trung gian của kẻ chống

Cộng hung hãn là Hồng y Francis Spellman, ông đã gặp các viên chức Bộ Ngoại giao và các thành viên có ảnh hưởng của Quốc hội. Spellman đã đặc biệt giới thiệu ông đến các chính trị gia Ca-tô giáo, trong đó có Thượng nghị sĩ John F. Kennedy của Massachusetts.

Khi người Mỹ phải tìm ra một người Việt Nam để thực hiện cuộc đấu thầu của họ tại Sài Gòn, Diệm là một trong số ít người mà họ biết đến. Lúc bấy giờ, ông là một người độc thân đầy đà béo tốt 53 tuổi, sống ẩn dật tại một tu viện Benedictine tại Bỉ. Dulles và Lansdale chưa hề gặp qua ông ta, nhưng Lansdale bảo chứng cho lập trường chống-Cộng sản đáng tin cậy của ông ta, và đó là tất cả những gì Dulles cần nghe. Nước Pháp không có ứng cử viên nào tốt hơn để đề nghị. Cả Hoàng đế Bảo Đại dễ sai bảo đang sống tại Cannes cũng chẳng có ai. Vài tháng trước khi quân Pháp rút đi, Diệm đã được đánh bóng cho hợp lệ. Ông đã bay từ Paris đến Sài Gòn, và nhậm chức thủ tướng vào ngày tốt mà người Á đông gọi là ngày "song thất," ngày thứ bảy của tháng thứ bảy, ngày 7 tháng 7 năm 1954.

Landsdale đã cho Diệm một vài ngày để ổn định, và sau đó đã đến gặp ông tại Dinh Gia Long hoa lệ, trước đây là nơi cư trú của thống đốc Pháp. Rào bộ xuống một trong các hành lang của dinh này, ông đã đứng vào cái mà sau này ông mô tả là *"một người đàn ông tròn trịa trong bộ âu phục màu trắng"*, và hỏi xem Thủ tướng Chính phủ Diệm đang ở đâu.

Người đàn ông trả lời rằng "Tôi chính là Diệm đây".

Đó là bước khởi đầu của một cuộc hợp tác dài, bất hạnh mà Landsdale đã che chở cho Diệm, và trong vòng một vài tháng đã cứu ông ta khỏi hai cuộc mưu toan đảo chính, mà một cuộc đã bị dập tắt bằng cách hồi lộ các nhà lãnh đạo phiến quân với 12 triệu đô-la của CIA. Sau đó, ông đã phát động các chiến dịch chống Cộng sản mà Dulles đã gửi ông đến để tiến hành.

Các chiến thuật của Landsdale lan tỏa từ phá hỏng các chiếc xe buýt của thành phố Hà Nội cho đến mua chuộc thầy bói để tiên đoán sự khổ ải dưới nền cai trị của Cộng sản. Một trong những kế hoạch lớn nhất của ông là giúp lập ra một cuộc di cư của hàng trăm ngàn giáo dân Ca-tô giáo từ Bắc vào Nam, thúc giục họ phải bỏ chạy với một chiến dịch gồm thông điệp phát thanh tuyên bố, *"Chúa Kitô đã đi vào Nam"* và *"Mẹ Maria đã rời miền Bắc"*. Những điều này không gây ra được cuộc nổi loạn mà Landsdale đã dự kiến, và với mỗi ngày trôi qua, cuộc bầu cử cả nước càng đến gần hơn. Mọi người đều nhận ra rằng nó sẽ đưa ông Hồ, người cha già dân tộc lên làm tổng thống của một nước Việt Nam thống nhất. Eisenhower đã đoán rằng *"có thể là tám mươi phần trăm dân số"* sẽ bầu cho ông Hồ. Điều này đặt cho người Mỹ một vấn nạn nghiêm trọng. Khi một phụ tá mang đến Bộ trưởng Ngoại giao Dulles một điện văn từ ông Diệm đề nghị một lối thoát, ông đã đọc nó ngay lập tức.

"Ông ta ngồi rất yên lặng," Paul Kattenburg Chánh Sự Vụ chuyên trách Việt Nam của Bộ Ngoại giao nhớ lại. *"Chúng tôi đều ngồi rất lặng lẽ. Tôi có thể nhớ lại rõ rệt tiếng tích tắc của cái đồng hồ treo tường, và hơi thở nặng nề của ông ta khi ông đã đọc xong tờ giấy – quay sang chúng tôi, một ít người trong chúng tôi đã có mặt tại cuộc họp đó, và nói rằng, 'Tôi không tin Diệm muốn tổ chức bầu cử, và tôi tin rằng chúng ta nên hỗ trợ ông ta trong vụ này.'"*



Việt Nam dự trù tạm chia đôi chỉ trong hai năm mà thôi. Điều ấy đã bị thay đổi sau khi ông Diệm và Dulles quyết định không tổ chức cuộc bầu cử năm 1956 theo lịch trình. Không có cuộc bầu cử thì không thể có sự thống nhất. Thay vào đó là hai quốc gia mới ra đời: Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam.

Vào cuối năm 1955, sau một cuộc trưng cầu dân ý mà, theo một phúc trình, ông đã giành được 98,2 phần trăm số phiếu, ông Diệm đã lật đổ vua Bảo Đại và tự phong mình làm quốc trưởng. Ông đã sử dụng quyền lực mới của mình để áp đặt một bản hiến pháp cho ông được toàn quyền [cai trị]. Trong khi ông Hồ cai trị miền Bắc Việt Nam theo phong cách truyền thống Cộng sản, thông qua một bộ chính trị gồm các đồng chí tin cậy, ông Diệm đã lập một bộ chính trị của riêng mình, lấy từ những bà con thân tín. Họ trị vì đất nước như là một gia đình.

Người em trai nhỏ nhất của ông Diệm, Ngô Đình Cẩn, không nắm giữ chức vụ chính thức nào nhưng đã cai trị miền Trung Việt Nam như một lãnh chúa phong kiến. Anh trai trưởng, Ngô Đình Thục, là một tổng giám mục Công giáo và cũng là một nhà kinh tài tham lam đã làm giàu bằng cao su, gỗ, và bất động sản. Một người thứ ba, Ngô Đình Luyện đã trở thành đại sứ tại Anh. Kẻ quan trọng nhất và nổi nhất là người em thứ tư của tổng thống, Ngô Đình Nhu, và bà vợ thích khoa trương của Nhu. Ông Nhu, một kẻ ngưỡng mộ say mê Machiavelli, đôi khi được gọi là "Rasputin người Việt," [Ghi chú của người dịch: Grigori Yefimovich Rasputin là tên đạo sĩ, thuật sĩ Nga gian ác sống trong nội điện

của Nga Hoàng Tsar Nicholas II, và cũng là kẻ đã làm sụp đổ triều đại phong kiến cuối cùng Romanov này của Nga] đã là cố vấn thân cận nhất và là bản-ngã-hoán-vị của Tổng thống Diệm. Bà Nhu, một kẻ miệng lưỡi bảo vệ chế độ, đã từng nói bà ta không sợ chết bởi vì "*Tôi yêu quyền lực, và trong đời sau, thậm chí tôi có cơ hội đạt được quyền lực còn mạnh hơn bây giờ.*"



“Bộ Chính trị” của Ngô Đình Diệm: TGM Ngô Đình Thục, Cố vấn Ngô Đình Nhu và vợ là Trần Lệ Xuân, và “Lãnh chúa miền Trung” Ngô Đình Cẩn

Quyết tâm của Mỹ để bảo vệ sự độc lập của Nam Việt Nam khiến ông Hồ và các đồng chí của mình phát động cuộc chiến tranh chống thực dân lần thứ ba của họ. Năm 1960, họ tuyên bố một chiến dịch quân sự nhằm vào "việc tiêu diệt Đế quốc Mỹ và bè lũ Ngô Đình Diệm". Vài tháng sau đó, một loạt các nhà lãnh đạo của các nhóm đối kháng chính trị và tôn giáo ở miền Nam đã công bố thành lập một liên minh mới, Mặt trận Giải phóng Quốc gia [Ghi chú của người dịch: Đúng ra là *Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam*: hay gọi tắt là Mặt Trận Giải Phóng, MTGP] để có thể đối đầu với chính quyền ông Diệm về chính trị trong khi du kích bây giờ gọi là *Việt Cộng*, tiến hành cuộc chiến tranh trên chiến trường.

Washington coi sự hình thành của Mặt trận Giải phóng Dân tộc chẳng qua chỉ là một trò tuyên truyền giục gân của Cộng sản. Đó là một lỗi lầm thảm thiết. MTGP, một liên minh khá rộng của các đảng phái chính trị thiên tả, trí thức thành thị, và các chuyên gia lớp trung lưu, phát triển thành một phong trào mạnh mẽ trong nhiều tỉnh. Trong thời gian hai hoặc ba năm đầu hình thành, và ở một mức độ nào đó, ngay cả về sau này, khi nó trở thành trực tiếp liên minh với miền Bắc Việt Nam, nó có những quyền lợi khác hẳn với những quyền lợi của người Cộng sản. Người Mỹ không bao giờ tìm cách thăm dò những khác biệt ấy hoặc mở bất kỳ kênh liên lạc nào với lực lượng thường dân chống Diệm.

Bộ trưởng Ngoại giao Dulles ngã bệnh, nghỉ hưu, và mất năm 1958. Sau đó, Tổng thống Eisenhower dường như hết còn quan tâm đến Việt Nam. Vào ngày 19 tháng 1 năm 1961, một ngày trước khi ông rời chức vụ, ông đã giới thiệu tóm tắt cho Tổng thống-được bầu Kennedy về những điểm lộn xộn trên thế giới. Có nhiều chuyện để nói. Chế độ thân Mỹ tại Lào đã bị sụp đổ. Một cuộc nổi loạn chống thực dân đang hoành hành ở Algeria và một cuộc dấy động khác dường như sắp bùng phát tại Congo. CIA đã đào tạo được một đội quân bí mật để xâm lược Cuba với hy vọng lật đổ chế độ mới của Fidel Castro. Căng thẳng đã dâng cao tại Berlin. Tuy nhiên phải mất vài tháng, cho Kennedy mới nhận ra được những khía cạnh kỳ quặc của cuộc họp.

"Ông biết đấy," Kennedy tỏ sự ngạc nhiên với một phụ tá, "*Eisenhower không bao giờ đề cập đến nó, không bao giờ thốt lên từ ngữ ‘Việt Nam.’*"

Trong nhiệm kỳ tổng thống của Kennedy, số binh sĩ Mỹ tại miền Nam Việt Nam tăng từ 865 đến 16.500. Kennedy đã gửi phi cơ chiến đấu, trực thăng, pháo binh nặng, và đủ các loại vũ khí khác,

không có thứ nào có thể xoay chuyển được chiến cuộc. Trong thực tế, như nhà báo và sử gia Stanley Karnow đã viết sau này, Viện trợ Mỹ "thì nghịch lý, làm mất sinh lực của chế độ Diệm."

Viện trợ, chủ yếu là quân sự, đã làm Diệm càng tin rằng ông ta đang tiến hành một cuộc xung đột qui ước và nó củng cố sự đề kháng của ông về các cải cách chính trị, kinh tế và xã hội. Hơn nữa, các đội quân của ông càng lúc càng miễn cưỡng đối đầu thẳng thừng với Việt Cộng, mà càng y lại vào các cuộc không kích và pháo kích của Mỹ để làm công việc cho họ. Điều này phù hợp với Diệm, người đã chỉ thị các sĩ quan của mình nên tránh thương vong. Trong quan điểm của ông ta, vai trò chính của họ không phải để chiến đấu chống Việt Cộng mà để bảo vệ ông ta chống lại các cuộc đảo chính có thể xảy ra.



Một trong những đặc phái viên đầu tiên của Kennedy gửi đến Việt Nam - sẽ còn dài dài nhiều hơn nữa về sau - là Phó Tổng Thống **Lyndon Johnson**, người đã bay tới Sài Gòn vào Tháng 5 năm 1961. Khi trở về, Johnson là một người tin tưởng vào "lý thuyết domino", bị thuyết phục rằng nếu để Cộng sản chiếm được Nam Việt Nam, thì không mấy chốc họ sẽ đẩy cuộc chiến của họ đến "bãi biển Waikiki." Trong một bài phát biểu của mình, ông đã đi xa như khen ngợi Diệm như là "Churchill của Đông Nam Á," mặc dù sau đó khi Karnow hỏi ông rằng ông có thực sự tin điều đó không, ông ngập ngừng và trả lời "*Cút họ, Diệm là thằng nhãi duy nhất mà chúng ta có ở đó.*"

Với dòng ngắn gọn ấy, Johnson kết tinh chính sách Hoa Kỳ tại Việt Nam trong cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960. Diệm là người thay chân Mỹ. Thiếu một nền tảng quần chúng, lòi ra từ một nhóm tôn giáo mà chỉ đại diện cho 10 phần trăm dân số đất nước mình, bao quanh bởi một gia đình tham nhũng và không màng đến công việc hàng ngày của chính phủ, ông đã được lựa chọn bởi vì không ai khác phù hợp với đòi hỏi của người Mỹ. Cũng như ở nhiều nước khác, người Mỹ tìm ở miền Nam Việt Nam một người lãnh đạo vừa có thể là một người quốc gia làm hài lòng đám đông và vừa có thể làm những gì Washington muốn, nhưng chỉ để thấy rằng họ không thể nào có cả hai [điều kiện đó được].

Diệm trở nên khó chịu với vai trò của Mỹ ngày càng tăng ở nước ông. Đã hơn một lần ông than phiền với Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, Frederick Nolting, rằng quân đội Mỹ chỉ làm gia tăng cường độ của cuộc xung đột bằng cách khiêu khích những phản ứng mạnh mẽ từ phía Bắc. Dù vậy những toán lính, được gọi là "*cố vấn*" như một cách để duy trì viễn tưởng rằng họ không tham chiến, ò ạt đổ vào. Giữa năm 1961 và 1963, họ tham gia vào hàng trăm trận đánh, và máy bay Mỹ đã bay hàng ngàn xuất kích ném bom chống lại các vị trí Việt Cộng. Trong cùng thời kỳ đó, 108 người Mỹ bị giết, và Hoa Kỳ bị mất 23 máy bay.

Diệm than phiền về "tất cả các binh lính này tôi không bao giờ yêu cầu họ đến đây." Trong một cuộc kinh lý Vịnh Cam Ranh, ông chỉ ra hải cảng và nói với các phụ tá của ông, "Người Mỹ muốn có một căn cứ ở đó, nhưng tôi không bao giờ chấp nhận." Khi Đại sứ Nolting, sau một kịch bản được viết ở Washington nói với ông rằng Hoa Kỳ muốn "chia sẻ tiến trình quyết định trong lĩnh vực chính trị, kinh tế và quân sự," ông trả lời "Việt Nam không muốn thành một nước bảo hộ." Người ta bắt đầu gọi ông ta là một kẻ được bảo hộ lừng khừng, một khách hàng từ chối cư xử giống như một khách hàng, một kẻ múa rối tự giựt lấy dây của riêng mình. Tội tệ nhất lại đến khi người em trai và cố vấn trưởng, Ngô Đình Nhu, gợi ý rằng có lẽ là thời gian đã đến để thương lượng với Việt Cộng.

"Tôi chống chủ nghĩa cộng sản từ quan điểm của học thuyết, nhưng tôi không chống cộng sản từ quan điểm chính trị hay nhân đạo," Nhu đã nói với một phóng viên truyền hình vào mùa xuân năm 1963. "*Tôi xem những người cộng sản như anh em, con cừu đi lạc. Tôi không*

ngiên về một cuộc tấn công chống lại những người cộng sản bởi vì chúng tôi là một đất nước nhỏ, và chúng tôi chỉ muốn sống trong hòa bình."

Màn cuối trong vở kịch thống trị của Diệm đã hé mở. Vào ngày 8 tháng Năm, Phật tử tụ tập ở Huế để đánh dấu ngày Đản sinh lần thứ 2.527 của Đức Phật. Bạo quyền địa phương, Ngô Đình Cẩn - cũng là em trai của tổng thống - đã đồng ý quyết định thi hành một nghị định cũ cấm quần chúng ăn mừng không được treo cờ ngũ sắc của Phật giáo, mặc dù chỉ một vài ngày trước đó cả thành phố đều phát phối biểu ngữ Ca-tô giáo đánh dấu kỷ niệm lần thứ 25 ngày Tổng giám mục Ngô Đình Thục được thụ phong. Phật giáo đã bắt đầu một loạt các cuộc biểu tình phản đối. Cảnh sát đã bắn vào họ, giết chết một người phụ nữ và tám trẻ em.



Lãnh đạo Phật giáo đã phản ứng bằng cách tung ra một chiến dịch toàn quốc chống lại Diệm. Họ phân phát tờ rơi, gặp gỡ với các nhà báo nước ngoài và tổ chức các cuộc biểu tình và tuyệt thực. Người dân hưởng ứng chính nghĩa của họ, thường ít dấn dấp gì đến tôn giáo. Họ là những người nghèo nổi lên chống lại những người giàu, người bình dân bất chấp quyền lực của kẻ độc tài, và, theo lời phóng viên David Halberstam của New York Times, *"người Á đông thế kỷ XX, phản đối chống lại những người Á đông già nua được uốn nắn từ một quá khứ quan lại."*

Khi Diệm đã không đáp ứng với phong trào này, các nhà lãnh đạo Phật giáo đã thông báo rằng các nhà sư có thể tự sát như một cách để biểu lộ độ sâu của sự tức giận của họ. Diệm coi thường mối đe dọa này. Nhiều người Mỹ tại Việt Nam, bao gồm cả một số phóng viên tin tức, cũng coi thường như thế. Một người không coi thường là Malcolm Browne.

Nhà sư đã tự thiêu cho đến chết vào sáng ngày 11 tháng sáu có Pháp danh là Thích Quảng Đức. Ông ở tuổi sáu mươi bảy, đã thành một tỳ kheo gần nửa thế kỷ, và được tôn kính như là một Bồ Tát, một người đang trên đường đạt đến giác ngộ nhưng chọn từ bỏ nó để giúp đỡ những người khác trở nên giác ngộ. Trong một lời tuyên bố mà các đồng tu của ông phân phối sau khi ông chết, ông đã "kính cẩn" cầu xin Diệm tỏ "lòng nhân đức và lòng từ bi" đối với tất cả các tôn giáo. Thành viên to mồm nhất của gia đình cầm quyền, Bà Nhu, trả lời bằng cách giễu cợt cảnh tượng mà bà gọi là "nướng thịt". Bà nói rằng *"Hãy để họ tự thiêu. Chúng tôi sẽ vỗ tay."*

Không ai ở Washington coi nhẹ cuộc tự thiêu. Nó là một phần của một dòng chảy đều đặn các tin xấu từ Việt Nam mà Tổng thống Kennedy và các phụ tá của ông buộc phải đối mặt trong suốt mùa xuân và mùa hè năm 1963. Du kích quân Việt Cộng đã thiết lập quyền kiểm soát hơn 20 phần trăm của miền Nam Việt Nam và di chuyển tự do trong một vùng rộng lớn gấp đôi. Quân đội Nam Việt Nam đã tỏ lộ miễn cưỡng chiến đấu. Tham nhũng trong giới quan quyền, được nuôi dưỡng bởi các chương trình viện trợ Mỹ phủ phê, đã lan tràn. Diệm mất sự ủng hộ của dân. Để giữ trật tự, ông buộc phải cai trị bằng đàn áp, phần lớn được điều hành bởi người em trai và cố vấn trưởng, ông Ngô Đình Nhu.

Một trong các quyết định đầu tiên của tổng thống Kennedy sau khi nhà sư tự thiêu là thay thế Đại sứ Nolting, một người Virginia phong nhã đã trở nên gần gũi với Diệm. Ông Kennedy xem xét việc đề nghị Landsdale, nhưng có một quy tắc bất thành văn là không được bổ nhiệm viên chức của CIA làm đại sứ, nên ông đã bỏ ý tưởng ấy. Thay vào đó, ông đã chọn một nhân vật hoàn toàn khác hẳn, một trong những đối thủ chính trị lâu đời nhất của ông, Henry Cabot Lodge, một trụ cột quý tộc của Đảng Cộng hòa.



Lodge đã đại diện cho tiểu bang Massachusetts tại Thượng viện cho đến năm 1952, khi ông mất ghế vào tay ông Kennedy. Sau sự thất bại ấy, Ngoại trưởng Dulles sắp xếp cho ông ta làm Đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc, nơi ông đã đóng vai trò hỗ trợ trong việc lật đổ Jacobo Arbenz ở Guatemala. Năm 1960, ông Lodge là đồng ứng viên với Richard Nixon trên phiếu của đảng Cộng hòa mà Kennedy và Lyndon Johnson đánh bại. Sự nổi danh của ông, kinh nghiệm ngoại giao của ông, nền tảng chính trị mạnh mẽ của ông tại Washington, và sự thành thạo về Pháp ngữ của ông đã làm cho ông thành một sự lựa chọn hợp lý cho chức vụ ở Việt Nam. Kể cả cái phá hệ đảng Cộng hòa của ông. Kennedy và các phụ tá của ông đều biết rằng chức vụ ở Sài Gòn đầy rủi ro và thích cái ý

tưởng có một đảng viên Cộng hòa để đổ lỗi nếu mọi việc bị sai quấy.

Lodge tìm thấy Nam Việt Nam trong tình trạng hỗn loạn khi ông đến Sài Gòn vào buổi tối ngày thứ Sáu, 23 tháng tám năm 1963. Tình trạng bất ổn ngày càng tăng, khi có thêm cuộc tự thiêu của bốn nhà sư Phật giáo, và đã làm Tổng thống Diệm đặt đất nước dưới luật giới nghiêm. Các đội cảnh sát đã tấn công chùa chiền Phật giáo và bắt giữ hàng trăm nhà sư, trong đó có ngài tăng thống Phật giáo tám mươi tuổi. Ở Huế họ đã đánh một trận chiến đường phố ác liệt tám giờ liền chống lại những người biểu tình Phật tử.

Ngày cuối tuần ấy tại Washington, trong một sự biểu lộ kinh hải của nhằm lẫn và sai hiệu lệnh của chính quyền Kennedy đã vấp vào một tiến trình "thay đổi chế độ" kết thúc bằng máu. Nó là đỉnh cao của một tuần tranh cãi về cách đối phó với Diệm. Một số trong chính quyền tin tưởng rằng ông vẫn còn là hy vọng tốt nhất cho miền Nam Việt Nam. Những người khác đã bỏ rơi ông ta và phù phép cho sự sụp đổ của ông.

Ngày thứ bảy, 24 tháng Tám, cả ba người ủng hộ Diệm mạnh nhất ở Washington đã ra khỏi thủ đô. Ngoại trưởng Dean Rusk đang tham dự một trận đấu banh Yankees ở New York, Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara thì đang nghỉ mát tại Wyoming, và Tổng thống Kennedy đang ở tại nhà nghỉ mát trên Cape Cod. Vì thế bộ máy ngoại giao của Mỹ đều nằm trong tay của ba viên chức cấp thấp hơn, tất cả đều muốn Diệm bị lật đổ.

Người hăng say nhất là Trợ lý Ngoại trưởng Ngoại giao Roger Hilsman, chuyên gia trưởng của Đông Á Sự Vụ. Hilsman, đã một thời là lính đặc công ở Miến Điện trong Thế chiến thứ II, coi mình là chuyên gia trên cả hai việc chống nổi loạn và chính trị của Đông Dương. Vào ngày thứ Bảy ấy, ông đã thảo ra một điện thư định mệnh gửi cho Lodge. Điện thư này ra lệnh cho Lodge nói trực tiếp với Diệm rằng Hoa Kỳ *"không thể chịu đựng được nữa một tình huống mà trong đó quyền lực nằm hết trong tay của Nhu"* và yêu cầu rằng Diệm cắt đứt tất cả quan hệ chính trị với người em của mình. Nếu Diệm "vẫn còn ngoan cố và từ chối," điện thư nói, "chúng ta phải đối mặt với khả năng rằng chính Diệm không thể được duy trì."

"Phù hợp với các điều nêu trên," điện thư đã kết luận, "Đại sứ và các nhóm trong nước cần khẩn trương xem xét lại tất cả việc khả thi thay thế lãnh đạo và thực hiện các kế hoạch chi tiết làm sao chúng ta có thể thay thế Diệm nếu điều này trở nên cần thiết."

Buổi chiều hôm đó, Hilsman và một trong những đồng minh chính của ông, Phụ tá Ngoại giao Everell Harriman, đi tìm George Ball, người đang Xử lý thường vụ Bộ Ngoại giao trong khi sự Rusk vắng mặt. Họ tìm ra ông ta trên sân Golf Road tại Maryland. Ball là thành viên thứ ba của bộ ba chống-Diệm ở Bộ Ngoại giao. Ông thích điện thư của Hilsman và đồng ý điện thoại Kennedy và khuyên được gửi đi Sài Gòn.

Vì lý do vẫn chưa được biết rõ ràng, tổng thống Kennedy đã không tập trung vào mức độ nghiêm trọng của điện thư này. Ông có thể đã bị phân tâm bởi những thú vui cuối tuần của ông. Ông George Ball đã dùng lời lẽ đúng cách trong lời kêu gọi để trấn an tổng thống. Tổng thống Kennedy đã chỉ sửa một thay đổi nhỏ trong tin nhắn, và rồi chấp thuận nó. Ông Kennedy nói: "George à, nếu Rusk và Gilpatrick đồng ý, thì tiến hành".

Không Rusk và cũng chẳng Phụ tá Quốc phòng Roswell Gilpatrick được tham vấn, nhưng ông Ball đã không đề cập đến điều đó. Sau khi gác điện thoại, ông gọi Rusk tại New York và nói với ông ta rằng ông đang chuẩn bị để gửi một điện thư đến Sài Gòn mà Tổng thống Kennedy đã phê duyệt. Ngoại trưởng Rusk, cũng như thói quen của mình, nói với họ rằng bất cứ điều gì Tổng thống chấp thuận đều tốt đối với ông ta. Thậm chí ông còn tăng cường điện thư với một câu mới: "Ngài cũng có thể nói với các cấp chỉ huy quân sự tương ứng, chúng ta sẽ cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho họ trong bất kỳ thời gian tạm thời khi cơ cấu chính quyền trung ương bị đứt đoạn."

Theo thủ tục của Bộ Ngoại giao, một điện thư có tầm quan trọng như thế này phải được chấp thuận không chỉ đơn giản bởi tổng thống và ngoại trưởng mà còn bởi bộ trưởng quốc phòng, giám đốc CIA, và chủ tịch của ban Tham mưu trưởng liên quân. Tất cả đã ngoài tầm liên lạc vào buổi tối thứ bảy ấy, thay vào đó, Ball kiểm tra với các phụ tá của họ. Các quan chức ở cấp ấy né tránh phủ quyết chỉ thị của tổng thống, và không ai giám làm vậy.

Một khi các nhóm chống Diệm đã yên tâm với những sự chấp thuận này, họ chỉ cần lệnh tiến hành cuối cùng của tổng thống Kennedy. Ông Michael Forrestal, một thành viên của Hội đồng An ninh Quốc gia, gọi tổng thống để xin phép. Với sự ngạc nhiên, ông thấy tổng thống đột ngột do dự. Ông đã có những xét lại. Ông Kennedy đã hỏi rằng "Các ông có chắc mọi chuyện đều tốt đẹp không?"

Ông Forrestal tìm cách trấn an tổng thống, và thế là xong. Lúc 9 giờ 43 phút tối hôm đó, một nhân viên tại Bộ Ngoại giao gửi điện thư đi. Các cuộc tranh luận đúng ra phải có trước đây đã nổ ra vào buổi sáng thứ hai.

Một Kennedy tức giận triệu tập các cố vấn ngoại giao của ông vào Nhà Trắng và bắt đầu bằng việc khiển trách nghiêm khắc Hilsman, Harriman, Ball, và Forrestal về cái mà ông gọi là "tính bốc đồng" của họ. Tướng Maxwell Taylor, chủ tịch của Tham mưu Liên quân, cũng bức mình không kém. Ông nói ông sẽ không bao giờ chấp thuận điện thư, và cáo buộc những người soạn thảo nó là dấn dưng "một cuộc chạy nước rút hùng hổ" mà chỉ khả thi trong một ngày cuối tuần. Phó tổng thống Johnson, Bộ trưởng Quốc phòng McNamara, và giám đốc CIA John McCone tất cả đều cảnh báo rằng việc lật đổ Diệm sẽ tạo ra nhiều vấn đề hơn là nó giải quyết. Cuộc tranh luận kéo dài hơn bốn ngày họp hành, làm cho Kennedy tức giận và nản lòng. Ông than với một người bạn trong tuần ấy rằng "Trời ơi! Chính phủ của tôi đang tan rã!"

Tại Sài Gòn, Đại sứ Lodge đã hăng say chuẩn bị cho cách "thay đổi chế độ." Ông đã gửi tín hiệu đến các tướng bất đồng và gửi một loạt các loại điện thư đến Washington thúc giục hành động nhanh chóng chống lại Diệm. Trong một bức đề ngày 29 tháng 8, ông cảnh báo rằng nếu Hoa Kỳ không "ra tay nhanh" Nam Việt Nam sớm có thể rơi vào tay các chính trị gia thân cộng hoặc ít nhất là trung lập.

Chúng ta đang lao vào vào một tiến trình lật đổ chính quyền Diệm mà không còn đường rút lui nào đáng kể. Không có lối quay trở lại bởi vì uy tín của Hoa Kỳ đã được cam kết công khai cho mục đích này bằng biện pháp lớn, và sẽ trở nên hơn thế

khi sự kiện bị rò rỉ ra ngoài. Trong một ý nghĩa cơ bản hơn, theo tôi, không có chuyện quay trở lại vì cuộc chiến không thể thắng được dưới một chính quyền Diệm.

Bản điện thư ấy rõ ràng gây ấn tượng với Kennedy. Một vài ngày sau khi nhận được nó, ông ngồi trên bãi cỏ của nhà nghỉ mát ở Cape Cod giành cho một cuộc phỏng vấn truyền hình với Walter Cronkite của CBS. Khi ông Cronkite hỏi nếu ông nghĩ rằng chính phủ Diệm có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh, ông Kennedy đã cho một câu trả lời mà cũng là một tín hiệu cho Sài Gòn: *"Với những thay đổi trong chính sách và nhân sự thì tôi nghĩ rằng nó có thể. Nếu nó không thực hiện những thay đổi ấy, tôi nghĩ rằng cơ hội chiến thắng cuộc chiến sẽ không rất tốt."*

Khi hai ông Diệm và Nhu nghe được điều này, họ hiểu rằng chế độ của họ đã gặp nguy hiểm. Họ đành tìm một chiến lược mới. Nhu quyết định đề xuất một cuộc tiếp xúc hữu nghị với miền Bắc. Ngay sau đó, Mặt trận Giải phóng cho biết họ sẵn sàng tham gia một chính phủ liên hiệp ở miền Nam, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant kêu gọi "trung lập hóa" miền Nam, và sự thống nhất cuối cùng của Việt Nam; Tổng thống Charles de Gaulle của Pháp tán thành ý tưởng; và đại sứ Pháp tại Sài Gòn bắt đầu làm việc bí mật với một đồng nghiệp Ba Lan để sắp xếp địa chỉ liên lạc giữa các chính phủ của miền Bắc và miền Nam Việt Nam, mặc dù không đủ bí mật để ngăn CIA biết được họ đang làm những gì.

Chính quyền Kennedy đang lựa chọn giữa hai sự chuyển đổi khủng khiếp là hỗ trợ một chính phủ tham nhũng và mất lòng dân và đang thua trận, hoặc chống lưng cho một cuộc đảo chính lật đổ chính phủ ấy. Từ những ưu điểm lịch sử, thực là hợp lý để hỏi tại sao không có ai gợi ý hiển nhiên về sự lựa chọn thứ ba. Hoa Kỳ có thể đơn giản rửa tay khỏi cuộc khủng hoảng và để cho dân Việt Nam tự giải quyết. Điều đó rất có thể sẽ dẫn đến việc thành lập một chính quyền Cộng sản hay thân Cộng trên toàn bộ đất nước, nhưng đó, vẫn là những gì cuối cùng đã xảy ra. Một cuộc rút quân vào thời điểm này đã có thể cứu hàng trăm ngàn sinh mạng, tránh sự tàn phá của Việt Nam, và ngăn cho Hoa Kỳ một chấn thương quốc gia lớn nhất kể từ cuộc nội chiến. Tại sao không có ai đề nghị điều đó?



Trong thực tế, ý tưởng ấy đã nổi lên nhiều lần. Paul Kattenburg, người đã trở thành chủ tịch của Nhóm Công tác Liên bộ tại Việt Nam của chính quyền (Kennedy), trở về từ chuyến đi Sài Gòn vào cuối tháng Tám với một quan điểm rất âm ảm. Ông kết luận rằng người Việt Nam với tinh thần dân tộc đã trở nên mạnh mẽ hơn và sẽ không bao giờ chấp nhận một chế độ hậu thuẫn bởi nước ngoài tại Sài Gòn. Tại một cuộc họp Hội đồng An ninh Quốc gia vào ngày 31 tháng Tám, ông đề nghị rằng thời gian đã đến *"để chúng ta quyết định rút ra trong danh dự."* Các cộng sự đã bác bỏ thẳng thừng (ý kiến ấy).

"Chúng ta sẽ không rút lui cho đến khi thắng trận," Rusk đã nói với ông ta cộc lốc và được mọi người tán đồng.

Kattenburg đã nói ra điều không thể nói, và được tưởng thưởng cho sự "không giống ai" của mình bằng một nhiệm chức ngoại giao ở Guyana. Tuy vậy, một vài tuần sau đó, một nhân vật nặng ký không kém là Bộ trưởng Tư pháp Robert Kennedy đã lớn giọng thách thức tại một cuộc họp ở Nhà Trắng rằng không rõ một chiến thắng cuối cùng cộng sản tại Việt Nam *"có thể chống cự với bất kỳ chính quyền (Mỹ) nào."* Nếu không, ông đề nghị, có lẽ cũng là *"lúc để hoàn toàn rút ra khỏi Việt Nam."*

Những người khác tại cuộc họp này đều coi ý tưởng này là “cổ quái” không đáng trả lời. Robert Kennedy đã có thể thúc ép việc tranh luận của mình nếu ông đã suy nghĩ kỹ lưỡng và chuẩn bị một trường hợp nghiêm túc, nhưng ông đã không làm như vậy. Sau khi ông nói, một người tại cuộc họp sau này nhớ lại, đề nghị của ông “lơ lửng một hồi rồi tắt mất, một ý nghĩ lạ vô vọng trong một lĩnh vực của các giả định không được xét đến và những xác tín đã bám cứng ngắt.”

Tại Sài Gòn, Lodge đang đẩy mạnh các kế hoạch của mình cho một cuộc đảo chính. Ông đã quyết định rằng, như ông đã viết trong một điện thư gửi đến Washington, “*Hoa Kỳ không phải xuất hiện công khai trong việc này.*” Điều đó có nghĩa là ông sẽ cần một phái viên bí mật để liên lạc với những người âm mưu đảo chính. Đối với công việc tế nhị này, ông đã chọn Lucien Conein, một nhân viên CIA cục mịch và vạm vỡ với nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động bí mật.

Conein, người sử dụng bí danh “Black Luigi,” là một kẻ lớn hơn ngoài đời và tự cho là “kẻ nói dối chuyên nghiệp.” Phóng viên mô tả ông là một nhân vật “bung ra đời từ một cuốn truyện phiêu lưu bằng tranh”, một kẻ yêu đời, “bao giờ cũng hài lòng khi soi gương” và là kẻ “lập di, ồn ào, thường khó kềm chế vậy mà nhạy cảm sâu sắc và chuyên nghiệp triệt để.” Khi Tổng thống Kennedy lần đầu tiên nhìn thấy tên của ông ta và hỏi là ai, McNamara trả lời. “*Hắn là một loại Lawrence of Arabia.*” Đại sứ Lodge gọi hắn là “người không thể thiếu.” Chưa bao giờ ông ta được cần đến như thế trong mùa thu năm 1963.



Vị tướng có vẻ tốt nhất để có thể làm một cuộc đảo chính thành công là Dương Văn Minh, kẻ nổi bật nhất và vị sĩ quan được ưa chuộng trong nước và là cố vấn quân sự ngời chói xơi nước của Tổng thống Diệm. “Minh Bự,” (Big Minh), như người Mỹ gọi ông ta, là một người lính kỳ cựu ăn nói mộc mạc của quân đội thuộc địa Pháp. Diệm đã không tin tưởng ông ta, và, đến năm 1963, ông ta không có quân dưới quyền nữa. Điều đó đã làm cho ông dư thời giờ cho hai thú vui đam mê của mình là chơi quần vợt và trồng tia phong lan. Nó cũng đẩy ông ta về phía âm mưu lật đổ.

Ngày 29 tháng Tám, Conein tiếp cận tướng Minh và thăm dò về chuyện của một cuộc đảo chính. Hai người đã trò chuyện trong hơn một giờ. Tướng Minh hé cho thấy một điều gì đó có thể xảy ra hoặc làm cho nó xảy ra nhưng ngưng không nói nữa. Ông biết rằng người Mỹ đã bị chia rẽ nội bộ, và sợ rằng nếu ông ta nói linh tinh, ai đó có thể rò rỉ kế hoạch của mình đến tai Diệm. Tất cả điều ông cần từ Conein là sự thỏa thuận để tiến hành. Nếu Hoa Kỳ muốn Diệm bị lật đổ, ông cho biết, các tướng bắt buộc cần có một tín hiệu cụ thể.

Conein đã chuyển yêu cầu này lên các cấp trên theo đúng thủ tục, và một vài ngày sau đó chính quyền Kennedy đã cho “Minh Bự” tín hiệu ông muốn. Hoa Kỳ đành chỉ một khoản vay \$14 triệu đô-la cho miền Nam Việt Nam để tài trợ cho hai dự án phát triển cao cấp, một nhà máy thủy lợi và một nhà máy điện. Tướng Minh đã hài lòng và chỉ định người đồng mưu đáng tin cậy nhất là tướng Trần Văn Đôn, quyền Tham mưu trưởng của quân đội Nam Việt Nam, làm liên lạc viên của ông ta với Conein. Tướng Đôn là một nhà quý tộc sinh tại Pháp, tốt nghiệp Học viện quân sự Pháp, và một cái gì đó của dân trí thức. Ông ta và Conein kết bạn được gần hai mươi năm. Khi âm mưu đảo chính đã hình thành trong tháng Chín và tháng Mười, họ đã thường xuyên liên lạc với nhau. Để tránh gây nghi ngờ, họ thường gặp nhau trong văn phòng của một nha sĩ ở Sài Gòn.

“Dù chuyện gì có xảy ra chẳng nữa,” Conein nhớ lại sau này, “Chắc chắn là rằng của tôi có rất nhiều việc cần chữa.”

Khí hậu chính trị ở Sài Gòn đã lên cao đều đặn vào mùa thu ấy. Nhu gia tăng sự chỉ trích về chính sách của Hoa Kỳ, đến một lúc khinh miệt cả Lodge là một “kẻ vô đạo đức.” Ông ta tiếp tục thả gọng ý

về một cuộc mở màn hòa bình với những người cộng sản, bảo rằng "*người Mỹ đã làm tất cả mọi thứ để đẩy tôi vào cánh tay của họ.*" Trong một cuộc bầu cử hoạt kê ngày 27 tháng Chín, Nhu và vợ của ông ta được tái cử vào quốc hội bù nhìn, với tỷ lệ phần trăm giống hệt nhau đoạt được 99 phần trăm số phiếu. Một tuần sau, một nhà sư Phật giáo khác tự thiêu cho đến chết, đó là người đầu tiên tự thiêu kể từ mùa hè.

Lodge phải đối mặt với một trong những vấn đề bất ngờ trong tòa đại sứ của mình. Ông đã từng tuyên bố rõ ràng ngay từ ngày ông đến rằng ông muốn nhân viên của mình phải nói cùng một giọng duy nhất. Vào đầu tháng Mười, ông nghe rằng trưởng cơ sở CIA tại tòa đại sứ, John "Jocko" Richardson, đã có nghi ngờ về âm mưu đảo chính. Richardson duy trì quan hệ với Nhu, và vì cương vị cùng thành tích của mình - ông đã từng đạo diễn thành công ngoạn mục các hoạt động chống Đức Quốc xã trong Thế chiến II và đã là một trưởng cơ sở hiệu quả cao ở Phi Luật Tân - quan điểm của ông ta có trọng lượng đáng kể tại Washington. Với những vốn liếng này, Lodge nhận ra rằng, ông có thể làm nghiêng cán cân vốn đã bấp bênh trong chính quyền Kennedy và có thể ép hủy bỏ cuộc đảo chính. Vào đầu tháng Mười ông tìm cách thuyết chuyển Richardson ra khỏi Việt Nam và thay thế bằng một nhân viên nhiệt tình hơn.

Vào 4 giờ 20 chiều thứ Ba, ngày 29 tháng 10, Tổng thống Kennedy tập hợp mười lăm cố vấn cao cấp về chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia tại Nhà Trắng cho một cuộc họp cuối cùng về cuộc đảo chính sắp xảy ra. Nhiều năm sau, một băng thu âm của cuộc họp đó lộ ra. Băng chuyển mã thật là chán ngán sâu xa, một ví dụ điển hình về sự thiếu hình thành chính sách. Các nhân vật của Kennedy như đã dự kiến, trình bày nhiều quan điểm khác nhau. Điều đáng kể về cuộc họp này, tuy nhiên, là đã có rất nhiều người tham gia bày tỏ sự nghi ngờ nghiêm trọng về cuộc đảo chính. Thậm chí kỳ lạ hơn là, cả Kennedy lẫn những người khác không ai đáp lại lời cảnh báo này. Không ai gợi ý rằng nếu có quá nhiều bất đồng, cuộc đảo chính có thể nên được đình chỉ hoặc hủy bỏ. Không có lời kêu gọi một cuộc bỏ phiếu, hoặc thậm chí là cuộc thảo luận có thứ lớp về những ảnh hưởng gì từ cuộc đảo chính có thể có. Một khi người Mỹ đã bật tín hiệu đến người bạn Việt Nam rằng họ muốn Diệm bị lật đổ, dự án đã tự mình lớn dậy.

Hilsman không tham dự cuộc họp, nên công việc tranh luận về cuộc đảo chính rơi vào tay Harriman. Ông đã thuyết phục với sự chùng mực đáng kể, rằng ông không tin Diệm có "sự lãnh đạo để mang đất nước của mình đến chiến thắng." Đó là sự tổng hợp của trường hợp thiên-về-cuộc đảo chính. Đối lại ở phía bên kia là bốn nhân vật kỳ cựu nhất của chính quyền: Bộ trưởng Tư pháp Kennedy, Tướng Taylor, giám đốc CIA McCone, và Ngoại trưởng Rusk. Một người bất đồng khác, Tướng Paul Harkins, trưởng phái bộ quân sự Mỹ ở Sài Gòn, đã bày tỏ sự nghi ngờ của ông trong một điện thư mà Tổng thống Kennedy đã đọc lớn trong cuộc họp - Hết người này đến người khác ai cũng bức xúc về những gì sắp xảy ra.



ROBERT KENNEDY: Tôi có thể là một thiếu sót, nhưng tôi thấy rằng điều này thực vô lý ... Chúng ta đang đặt toàn bộ tương lai của đất nước và, cả Đông Nam Á, trong tay người nào đó mà chúng ta không biết rõ ... Có lẽ nó sẽ thành công, nhưng tôi không nghĩ rằng có bất kỳ ai, bất kỳ báo cáo nào mà tôi đã thấy, [tỏ ra] rằng người

nào đó có một kế hoạch chỉ rõ việc này sẽ đi đến đâu.

TAYLOR: Tôi phải nói rằng lúc này tôi đồng ý với Bộ trưởng Tư pháp [và] muốn đi xa hơn ... thứ nhất bởi vì ông sẽ có một chính phủ hoàn toàn thiếu kinh nghiệm và thứ nhì vì các tỉnh



trưởng, những người cần thiết cho việc duy trì guồng máy, tất cả sẽ bị thay đổi, và rồi bất chúng ta phải mất hơn một năm để phát triển bất kỳ công việc thật sự hiệu quả nào trong khu vực đó.



MCCONE: Ý kiến của chúng tôi hơi giống như Tướng Taylor bày tỏ ... Một cuộc đảo chính thành công, trong quan điểm của chúng tôi - Tôi cảm thấy rất chắc chắn đó là đúng - sẽ tạo ra một khoảng rối loạn chính trị, thời vô chủ, và sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc chiến tranh trong một khoảng thời gian nào đó là không thể ước tính được. Nó có thể là thảm họa.

RUSK: Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên đặt niềm tin của chúng ta vào bất cứ ai về phía người Việt Nam vào thời điểm này ... Tôi đang hoài nghi về khả năng người Việt Nam sẽ hoàn toàn chơi thành thực với chúng ta ... Tôi không nghĩ rằng họ nợ chúng ta điều đó, hay dù họ nợ, và họ sẽ không chơi với người tây phương trên cơ sở đó. Vì vậy, tôi nghĩ rằng ở đây có vấn đề khá sâu rộng.



HARKINS: Tôi không phản đối thay đổi, không hề có, nhưng tôi hơi cảm thấy rằng tại thời điểm này, sự thay đổi cần phải là trong phương pháp cai trị hơn là thay đổi hoàn toàn nhân sự. Tôi đã thấy không có danh sách kẻ tham dự được đề xuất của bất kỳ nhóm đảo chính nào. Tôi nghĩ rằng chúng ta cần xem xét cẩn thận vào bất kỳ danh sách đề nghị nào trước khi chúng ta có những quyết định.

Ngay cả bản thân tổng thống cũng bày tỏ sự nghi ngờ về dự án. "Nếu chúng ta vụng tính, chúng ta có thể mất chỗ đứng của mình ngay tức khắc ở Đông Nam Á", ông trầm ngâm một lúc. Sau đó, nói về Lodge, ông bảo, "Mọi sự đều nhắm vào ông ta. Ông ấy nghiêng về một cuộc đảo chính. Ông ấy muốn thế, vì những gì ông ấy nghĩ đều có lý do rất tốt. Tôi nói ông ấy còn muốn điều đó mạnh mẽ hơn là chúng ta ở đây."

Sau khi mỗi người đã trình bày phần mình, có thể đã có được một phản ứng hợp lý. Ai đó, lý tưởng là tổng thống, có thể nói: Chúng ta sắp làm điều gì đó vô cùng quan trọng tại Việt Nam, nhưng những gì đã được nói ra tại cuộc họp này làm tăng sự nghi ngờ nghiêm trọng về nó. Đây là cơ hội cuối cùng của chúng ta để ngăn chặn cuộc đảo chính. Có nên chăng?

Thay vì yêu cầu các phụ tá của mình cho ông ta khuyến nghị chính xác của họ nhưng Kennedy cho phép cuộc họp này giải tán lững lờ. Bầu không khí ngờ vực lan đầy phòng vẫn còn vô định hình và không tập chú. Không hề có ai trình bày một luận cứ, mạch lạc có hệ thống chống lại cuộc đảo chính, ngay cả Kennedy cũng chẳng hề hỏi để được nghe một lời.

"Hãy đặt tất cả [lên] Cabot," ông nói. "Thôi các ông đừng bàn chuyện này nữa."

Với nhận xét khó hiểu, có lẽ là khiêm nhã, cuộc đảo chính cuối cùng đã được chấp thuận. "Điều đáng kể về cuộc thảo luận vào ngày 29 tháng mười, năm 1963, là một hàng ngũ đông

đảo các quan chức hàng đầu lên tiếng nghi ngờ về cuộc đảo chính, bao gồm cả JFK, mà không có bất kỳ tác dụng thực tế nào trên diễn tiến của các sự kiện," nhà sử học và chuyên viên lưu trữ John Prados lấy làm lạ trong phần giới thiệu của mình về phần chuyển mã đã được xuất bản. "Tổng thống Kennedy không tuyên bố một quyết định rõ ràng, nhưng cả nhóm vẫn tiến hành như thể Hoa Kỳ hỗ trợ cuộc đảo chính."

Tướng Đôn đã hứa sẽ báo cho Lodge biết bốn mươi tám giờ trước khi ra tay trận tấn công của mình, nhưng càng gần đến ngày đã định, ông và các nhà âm mưu đảo chính khác quyết định rằng sẽ là quá mạo hiểm. Điều ông có thể nói cho Conein là ông sẽ khởi động trước ngày 2 tháng 11. Thời điểm chính xác, hóa ra, lại đã được chọn bởi tai nạn.

Sáng sớm ngày thứ Sáu, 1 tháng 11, vị tư lệnh hải quân thân Diệm của Nam Việt Nam, Đại tá Hồ Tấn Quyền, chơi quần vợt với các sĩ quan khác tại Câu lạc bộ Sĩ quan ở Sài Gòn. Hôm ấy lại là ngày sinh nhật thứ ba mươi sáu của mình, và các đồng sự của ông mời ông một bữa ăn kỷ niệm. Ông từ chối, nói rằng ông đã phải trở về nhà với các con nhưng viên sĩ quan phụ tá của ông đã thuyết phục ông thay đổi ý định. Họ tính đến một nhà hàng gần đó. Trên đường đi, viên sĩ quan phụ tá, vốn là một phần của âm mưu đảo chính, bắn chết Đại tá Quyền. Đây không phải là một phần của kế hoạch, nhưng đến thời điểm tướng Minh biết được, ông hiểu là không có chuyện thối lui được nữa. Ông đã bỏ ra vài tuần làm các cuộc tiếp xúc bí mật trong quân đội và đã có đủ loại đơn vị bộ binh, kỵ binh và không quân dưới tay. Bây giờ ông ra lệnh cho họ hành động.

Ngay sau khi tướng Đôn nhận được lệnh, ông gọi Conein và yêu cầu ông phải đến ngay Bộ Tổng Tham Mưu của Nam Việt Nam, và mang theo tất cả tiền mặt ông đã có sẵn. Conein đã đến với ba triệu đồng, tương đương với khoảng 42 ngàn đô-la, để chi phí cho thực phẩm và các chi phí khác; các nhà âm mưu lật đổ đã không muốn gây nghi ngờ với chuyện gây quỹ trước, ông cũng đã mang đến một máy radio để tiện liên lạc trực tiếp với các viên chức CIA và, thông qua họ, với các quan chức cấp cao ở Washington. Thông điệp đầu tiên của ông - "chín, chín, chín, chín, chín" - là một xác nhận được mã hoá rằng cuộc đảo chính đã bắt đầu.

Tướng Đôn vội vã triệu tập tất cả các viên chỉ huy quân sự ở khu vực Sài Gòn vào một bữa ăn trưa tại Câu lạc bộ Sĩ quan. Khi họ đã có mặt đông đủ, ông nói với họ một cuộc đảo chính đang xảy ra. Mỗi người được yêu cầu tuyên bố, trên băng ghi âm, việc ủng hộ của mình. Phần lớn đã thuận. Những người khác ý liền bị bắt giữ.

Trong khi buổi ăn trưa bất thường này diễn ra, các đơn vị nổi loạn, đã được tỏa ra khắp thành phố. Họ chiếm sân bay, đồn cảnh sát, hai đài phát thanh, bộ tham mưu hải quân và dây công thự bưu điện. Một số đơn vị đã được dàn ra để chặn các xe lộ mà quân trung thành từ các tỉnh có thể dùng đến.

Các tướng lãnh nổi loạn đã quyết định đảm bảo an toàn cho Diệm và Nhu ra khỏi nước nếu họ chịu đầu hàng ngay lập tức, nhưng khi họ gọi điện thoại đến Dinh Gia Long, chẳng có ai nhấc điện thoại. Diệm đã sống còn từ những cuộc đảo chính trước, và nghĩ rằng ông có thể kháng cự lại cuộc đảo chính này. Phản ứng đầu tiên của ông là gọi tướng Minh để được giúp đỡ. Chỉ khi ông được bảo rằng tướng Minh đã cầm đầu cuộc nổi dậy thì ông nhận ra mức độ nghiêm trọng của nó. Ông liên lạc được tướng Đôn, và nói rằng ông đã chuẩn bị công bố những cải cách và lập một nội các mới.

"Bây giờ đã là quá muộn," tướng Đôn trả lời. *"Tất cả các binh sĩ đang di chuyển về thủ đô."*

Cuối cùng Diệm quyết định gọi cho Đại sứ Lodge. Ông đại sứ đã biết chính xác những gì xảy ra nhưng giả vờ như không. Cuộc hội thoại của họ căng thẳng đến độ không thực.

"Một số đơn vị đã thực hiện một cuộc nổi loạn," Diệm bắt đầu, *"và tôi muốn biết: thái độ của Hoa Kỳ là gì?"*

"Tôi cảm thấy không được thông báo đầy đủ để báo cho ngài biết," Lodge trả lời một cách thiếu thành thật. "Tôi đã nghe súng nổ, nhưng tôi không biết được tất cả các sự kiện. Và lại, bây giờ đã là 4:30 sáng ở Washington, và chính phủ Hoa Kỳ có thể đã không có một quan điểm nào."

"Nhưng ông phải có vài ý kiến chung chứ," Diệm khẳng định. "Sau rốt, tôi là một quốc trưởng. Tôi đã cố gắng làm nhiệm vụ của tôi. Bây giờ tôi muốn làm bất cứ nhiệm vụ gì và thiện ý đòi hỏi. Tôi tin vào nhiệm vụ hơn tất cả."

"Rõ ràng là ngài đã hoàn tất nhiệm vụ của ngài. Như tôi đã chỉ nói với ngài điều này vào sáng nay, tôi ngưỡng mộ lòng dũng cảm của ngài và những đóng góp to lớn của ngài cho đất nước ngài. Không ai có thể tước đoạt được thành tích về tất cả các điều ngài đã làm. Bây giờ tôi đang lo lắng về sự an toàn của ngài. Tôi có một báo cáo rằng những người phụ trách các hoạt động hiện tại giành cho ngài và em trai của ngài con đường an toàn ra khỏi nước nếu ngài từ chức. Ngài đã có nghe điều này chứ?"

"Không," Diệm nói. Sau đó, ông tạm dừng một vài giây, từ từ hiểu ra rằng Lodge đã đứng về phe với các tướng lãnh âm mưu đảo chính.

"Ông có số điện thoại của tôi", cuối cùng ông nói.

"Có", Lodge bảo. "Nếu tôi có thể làm bất cứ điều gì cho sự an toàn của ngài, xin vui lòng gọi cho tôi."

Vào lúc 4:00 sáng hôm sau, phiến quân tung ra cuộc tấn công vào dinh. Họ bắn đại bác và súng máy, và bị bắn trả bởi quân trung thành bên trong. Sau hai giờ, khi bình minh ló dạng, một lá cờ trắng xuất hiện từ một cửa sổ của dinh. Một đại úy phiến quân đã dẫn đầu một toán quân hướng về tòa nhà để chấp nhận sự đầu hàng của Diệm, nhưng, khi ông đến gần, một tiếng súng vang lên từ bên trong và ông ngã xuống chết. Cầm giận, lính của ông ta xông vào dinh ồ ạt. Họ đã không tìm thấy cả Diệm lẫn Nhu.

Hai anh em đã bỏ chạy vào Chợ Lớn, khu người Hoa kiều ở Sài Gòn, và tìm nơi ẩn náu với một doanh nhân người Hoa ở đó. Ông ta đã đưa họ đến một câu lạc bộ của Thanh niên Cộng hòa, một trong những tổ chức ngoại vi mạnh của Nhu, và sau đó gọi đại sứ quán Đài Loan hỏi nếu các nhà ngoại giao ở đó có cho hai nhà lãnh đạo tị nạn. Các nhà ngoại giao từ chối.

Cuối cùng Diệm nhận ra rằng đã đến đường cùng. Ông gọi tướng Đôn và cho biết là ông đã sẵn sàng đầu hàng tại nhà thờ Ca-tô Giáo Cha Tam ở Chợ Lớn. Có những điều ông đã không biết là một vài giờ trước đó, các tướng âm mưu đảo chính đã họp để quyết định số phận của ông ta. "*Để diệt cỏ dại, phải diệt tận gốc*," một vị trong số họ đã nói với những người khác. Không có việc bỏ phiếu, nhưng sự đồng thuận đã rõ ràng.

Tướng Minh đã chọn một đội quân tin cẩn để giao việc đón Diệm và Nhu. Một trong số họ là vệ sĩ của ông, Đại úy Nguyễn Văn Nhung, một sát thủ thành thạo. Đội quân lái hai chiếc xe jeeps và một thiết vận xa M-113. Khi nó vừa tiến ra, Tướng Minh ra một tín hiệu tay cho đại úy Nhung. Ông đã giơ lên hai ngón tay của bàn tay phải của mình: khử cả hai.

Theo lệnh ngắn gọn, đoàn xe đến Chợ Lớn và tìm ra nhà thờ, nơi Diệm và Nhu đang chờ đợi. Hai anh em được lệnh chui vào M-113. Nhu phản đối.

"*Ông dùng chiếc xe như thế này để đón Tổng thống à?*" Ông hỏi một cách hân học. Không ai thêm để ý. Hai bàn tay của cả hai ông bị cột phía sau lưng, và họ đã bị tống vào bên trong xe. Đoàn xe chạy nhanh hướng trở về Bộ Tổng Tham Mưu.

Khi nó đến, cửa M-113 mở và Đại úy Nhung bước ra. Bên trong, thi thể của Diệm và Nhu, mang nhiều vết đạn, nằm trong một vũng máu. Nhu đã bị đâm và bị bắn. Viên chỉ huy của đội quân đã bắt được họ, Tướng Mai Hữu Xuân, bước thẳng đến tướng Minh, nghiêm chào, và báo cáo bằng tiếng Pháp, "*Sứ mệnh hoàn thành*," làm tướng Đôn giật mình.

"*Tại sao họ chết?*" Đôn hỏi.

"*Và có chuyện quan trọng gì không khi họ chết?*" tướng Minh trả lời.

Conein đã không có mặt khi các thi thể đến. Háo hức muốn xem những gì đã xảy ra tại thành phố, ông lái xe hướng về nhà mình. Một lát sau khi về nhà, ông đã nhận được điện thoại triệu ông đến đại sứ quán. Ở đó ông được lệnh trực tiếp từ Tổng thống Kennedy: tìm Diệm.

Lúc 10 giờ 30 sáng thứ bảy, Conein quay trở lại bộ Tổng Tham Mưu. Ông đã thấy tướng Minh ngồi trong Câu lạc bộ Sĩ quan. Không lưỡng lự, ông hỏi Diệm và Nhu đang ở đâu.

"*Họ đã tự tử*," Minh nói trôi chảy. "*Họ đã ở trong nhà thờ Công Giáo tại Chợ Lớn, và họ đã tự tử*."

Conein đã rời trụ sở này chỉ có hai giờ trước đó, với cảm tưởng rằng hai anh em sẽ chỉ bị bắt giữ thôi. Ông đã bị sững sốt khi biết rằng họ đã chết.



Ông nói với tướng Minh "*Xem nào, ngài là một Phật tử, tôi là một giáo dân Công giáo. Nếu họ đã tự tử tại nhà thờ đó và linh mục ban Thánh lễ tối nay, câu chuyện sẽ không hợp lý. Vậy họ đang ở đâu?*"

"*Thi thể của họ ở đằng sau bộ Tổng Tham Mưu. Ông có muốn nhìn thấy chúng không?*"

"Không"

"*Tại sao không?*"

"*Thì, nếu bởi tình cờ một trong một triệu người tin ngài, rằng họ đã tự tử tại nhà thờ, và tôi thấy họ đã không tự tử và tôi hiểu một cách khác, nếu nó mà bị rò rỉ ra ngoài, thì tôi gặp rắc rối*."

Đó là một bước khôn ngoan. Conein nghi ngờ sự thật, và nhận ra rằng ông sẽ phải đối đầu với nó nếu ông ta đã nhìn thi thể. Bây giờ ông có thể thành thực nói ông đã không có được thông tin nào khác với những gì các vị tướng lãnh đã nói với ông ta. Đó là những gì ông đã viết trong điện thư gửi cho Kennedy.

Tổng thống đang dự một cuộc họp trong phòng Nội các của Nhà Trắng khi Michael Forrestal lao vào với báo cáo rằng Diệm và Nhu đã chết. Ông sửng sốt. Rõ ràng ông đã không hề xem xét khả năng rằng cuộc đảo chính có thể kết thúc theo cách này. Một người đứng đầu nhà nước và là một đồng minh của Mỹ trong nhiều năm qua, một người mà bản thân Kennedy đã từng biết đến và hỗ trợ, và trên tất cả là một đồng đạo Ca-tô giáo, đã chết trong cuộc đảo chính do Mỹ yểm trợ.

"Kennedy vụt đứng dậy và vội vã rời khỏi phòng với một vẻ sửng sờ và mất tinh thần trên khuôn mặt của ông mà tôi chưa bao giờ được thấy trước đó," Tướng Taylor sau này nhớ lại. "Ông ấy đã luôn luôn nhấn mạnh rằng Diệm không bao giờ phải chịu đựng nhiều hơn là sống lưu vong, và làm ông tin tưởng hoặc đã tự thuyết phục mình rằng một sự thay đổi chính phủ có thể được thực hiện mà không cần đổ máu."

CIA sớm có được một bộ ảnh cho thấy các thi thể tả tơi của Diệm và em trai của ông, với hai bàn tay của họ vẫn bị cột treó ra sau lưng. Tại một cuộc họp nhân viên Nhà Trắng vào sáng ngày 4 tháng 11, cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống, McGeorge Bundy, cảnh báo rằng những hình ảnh chắc chắn sẽ xuất hiện trên trang đầu các tờ báo của thế giới trong vòng một hoặc hai ngày. Người ta có thể sẽ rút ra kết luận rõ ràng.

"Đây không phải là cách tự tử được chọn," Bundy lạnh nhạt quan sát.

Kennedy buồn không nguôi. Vụ sát hại tại Sài Gòn, Forrestal sau này nói, "đã làm ông ta thực sự bồn chồn sâu xa ... làm ông ta phiền muộn như là một vấn đề đạo đức và tôn giáo, lay chuyển lòng tin của ông ta về các lời khuyến nghị mà ông đã nhận được từ Việt Nam." Theo các sử gia Ellen Hammer, ông ta bị "chấn động và chán nản" để nhận ra rằng *"người Ca-tô giáo đầu tiên trở thành quốc trưởng Việt Nam đã chết, đã bị ám sát như là hậu quả trực tiếp của một chính sách ủy quyền bởi một tổng thống Ca-tô giáo đầu tiên của Hoa Kỳ."* Có một lúc, một phụ tá đã cố gắng an ủi ông ta bằng cách nhắc rằng Diệm và Nhu là những tên bạo chúa.

"Không," ông trả lời. *"Họ đã ở trong một vị trí khó khăn. Họ đã làm hết sức họ có thể cho đất nước của họ."*

-- Hết --

Tác giả: Stephen Kinzer

Người dịch: Trần Thanh-Lưu

November, 2009.